

名古屋市営バス 如意営業所 配置車両一覧 88両																																		
局番	車台形式	購入年月	配置営業所																	局番	登録番号	車体	MT/AT	ISS	ABS	低公害	備考							
			H14.4	H15.3	H15.12	H16.4	H16.10	H17.1	H17.10	H18.1	H18.12	H19.12	H20.4	H20.12	H22.1	H22.4	H22.12	H23.3	H23.5									H24.3	H24.8	H25.3	H25.12	H26.4	H26.12	H27.4
NH-82	PJ-KV234N1	H19 1-3	新製 御器所 如意																	NH-82	1801	Jbus	AT	○										
NH-88	PJ-KV234N1	H19 1-3	新製 如意																	NH-88	1807	Jbus	AT	○										
NH-158	PJ-KV234N1	H19 1-3	新製 浄心 如意																	NH-158	1921	Jbus	AT	○										
NH-180	PDG-KV234N2	H19 12	新製 如意																	NH-180	2036	Jbus	AT	○										
NH-181	PDG-KV234N2	H19 12	新製 如意																	NH-181	2037	Jbus	AT	○										
NH-182	PDG-KV234N2	H19 12	新製 如意																	NH-182	2056	Jbus	AT	○										
NH-183	PDG-KV234N2	H19 12	新製 如意																	NH-183	2057	Jbus	AT	○										
NH-184	PDG-KV234N2	H20 1-3	新製 如意																	NH-184	2072	Jbus	AT	○										
NH-208	PDG-KV234N2	H19 12	新製 鳴尾 猪高 ※如意																	NH-208	2044	Jbus	AT	○				如意移籍はH29年3月						
NH-229	PKG-KV234N2	H22 1-3	新製 如意																	NH-229	2631	Jbus	MT	○										
NH-230	PKG-KV234N2	H22 1-3	新製 如意																	NH-230	2630	Jbus	MT	○										
NH-231	PKG-KV234N2	H22 1-3	新製 如意																	NH-231	2686	Jbus	MT	○										
NH-232	PKG-KV234N2	H22 1-3	新製 如意																	NH-232	2667	Jbus	MT	○										
NH-273	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製 如意																	NH-273	2854	Jbus	MT	○	○									
NH-274	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製 如意																	NH-274	2855	Jbus	MT	○	○									
NH-275	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製 如意																	NH-275	2876	Jbus	MT	○	○									
NH-276	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製 如意																	NH-276	2877	Jbus	MT	○	○									
NH-277	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製 如意																	NH-277	2901	Jbus	MT	○	○			貸切(H30~)						
NMH-1	PDG-KR234J2	H23 2-3	新製 如意																	NMH-1	2891	Jbus	AT	○										
NMH-2	PDG-KR234J2	H23 2-3	新製 如意																	NMH-2	2925	Jbus	AT	○										
NMH-3	PDG-KR234J2	H23 2-3	新製 如意																	NMH-3	2945	Jbus	AT	○										
NMH-4	PDG-KR234J2	H23 2-3	新製 如意																	NMH-4	2946	Jbus	AT	○										
NF-56	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製 如意																	NF-56	2405	MBM	MT	○										
NF-61	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製 如意																	NF-61	2455	MBM	MT	○										
NF-62	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製 如意																	NF-62	2467	MBM	MT	○										
NF-63	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製 如意																	NF-63	2468	MBM	MT	○										
NF-441	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製 如意																	NF-441	4568	MBM	AT	○	○									
NF-442	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製 如意																	NF-442	4576	MBM	AT	○	○									
NF-443	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製 如意																	NF-443	4577	MBM	AT	○	○									
NF-444	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製 如意																	NF-444	4601	MBM	AT	○	○									
NF-445	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製 如意																	NF-445	4600	MBM	AT	○	○									
NF-446	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製 如意																	NF-446	4611	MBM	AT	○	○									
NF-447	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製 如意																	NF-447	4612	MBM	AT	○	○									
NF-490	2PG-MP38FK	R5 8-	新製 如意																	NF-490	4680	MBM	AT	○	○									
NF-491	2PG-MP38FK	R5 8-	新製 如意																	NF-491	4689	MBM	AT	○	○									
NF-492	2PG-MP38FK	R5 8-	新製 如意																	NF-492	4703	MBM	AT	○	○									
NF-493	2PG-MP38FK	R5 8-	新製 如意																	NF-493	4715	MBM	AT	○	○									
NF-494	2PG-MP38FK	R5 8-	新製 如意																	NF-494	4743	MBM	AT	○	○									
NF-495	2PG-MP38FK	R5 8-	新製 如意																	NF-495	4755	MBM	AT	○	○									
NF-496	2PG-MP38FK	R5 8-	新製 如意																	NF-496	4762	MBM	AT	○	○									
NF-497	2PG-MP38FK	R5 8-	新製 如意																	NF-497	4764	MBM	AT	○	○									
NF-498	2PG-MP38FK	R5 8-	新製 如意																	NF-498	4780	MBM	AT	○	○									
NF-499	2PG-MP38FK	R5 8-	新製 如意																	NF-499	4788	MBM	AT	○	○									
NF-500	2PG-MP38FK	R5 8-	新製 如意																	NF-500	4799	MBM	AT	○	○									

局番	車台形式	購入年月	配置営業所																								局番	登録番号	車体	MT/AT	ISS	ABS	低公害	備考	
			H14.4	H15.3	H15.12	H16.4	H16.10	H17.1	H17.10	H18.1	H18.12	H19.12	H20.4	H20.12	H22.1	H22.4	H22.12	H23.3	H23.5	H24.3	H24.8	H25.3	H25.12	H26.4	H26.12	H27.4									H28.4
NF-501	2PG-MP38FK	R5 8-	新製																								如意	NF-501	4819	MBM	AT	○	○		
NF-502	2PG-MP38FK	R5 8-	新製																								如意	NF-502	4825	MBM	AT	○	○		
NF-503	2PG-MP38FK	R5 8-	新製																								如意	NF-503	4836	MBM	AT	○	○		
NS-94	PDG-LV234N2	H20 1-3	新製												浄心	如意										NS-94	2156	Jbus	AT	○					
NS-96	PDG-LV234N2	H20 1-3	新製												浄心	野並	線										※如意	NS-96	2181	Jbus	AT	○		※如意移籍はH29年3月	
NS-119	PDG-LV234N2	H20 1-3	新製												如意										NS-119	2163	Jbus	AT	○						
NS-120	PDG-LV234N2	H20 1-3	新製												如意										NS-120	2171	Jbus	AT	○						
NS-165	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製												如意										NS-165	2331	Jbus	MT	○						
NS-166	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製												如意										NS-166	2346	Jbus	MT	○						
NS-167	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製												如意										NS-167	2347	Jbus	MT	○						
NS-168	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製												如意										NS-168	2363	Jbus	MT	○						
NS-190	PKG-LV234N2	H20 12	新製												野並										如意	NS-190	2319	Jbus	MT	○					
NS-191	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製												野並										如意	NS-191	2353	Jbus	MT	○					
NS-192	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製												野並										如意	NS-192	2354	Jbus	MT	○					
NS-227	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製												如意										NS-227	3029	Jbus	MT	○	○					
NS-228	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製												如意										NS-228	3030	Jbus	MT	○	○					
NS-229	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製												如意										NS-229	3041	Jbus	MT	○	○					
NS-230	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製												如意										NS-230	3034	Jbus	MT	○	○					
NS-231	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製												如意										NS-231	3065	Jbus	MT	○	○					
NS-232	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製												如意										NS-232	3086	Jbus	MT	○	○					
NS-233	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製												如意										NS-233	3079	Jbus	MT	○	○					
NS-234	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製												如意										NS-234	3080	Jbus	MT	○	○					
NS-235	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製												如意										NS-235	3083	Jbus	MT	○	○					
NS-236	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製												如意										NS-236	3084	Jbus	MT	○	○					
NS-370	2PG-LV290N2	H31 1-3	新製												如意										NS-370	4051	Jbus	AT	○	○					
NS-371	2PG-LV290N2	H31 1-3	新製												如意										NS-371	4052	Jbus	AT	○	○					
NS-372	2PG-LV290N2	H31 1-3	新製												如意										NS-372	4075	Jbus	AT	○	○					
NS-415	2RG-LV290N3	R4 2-3	新製												如意										NS-415	4455	Jbus	AT	○	○					
NS-416	2RG-LV290N3	R4 2-3	新製												如意										NS-416	4467	Jbus	AT	○	○					
NMS-21	PDG-LR234J2	H22 1-3	新製												浄心	如意										NMS-21	2758	Jbus	AT	○					
NMS-25	PDG-LR234J2	H22 1-3	新製												猪高										如意	NMS-25	2655	Jbus	AT	○					
NMS-26	PDG-LR234J2	H22 1-3	新製												猪高										如意	NMS-26	2656	Jbus	AT	○					
NMS-27	PDG-LR234J2	H22 1-3	新製												猪高										如意	NMS-27	2734	Jbus	AT	○					
NMS-30	PDG-LR234J2	H22 1-3	新製												猪高										如意	NMS-30	2760	Jbus	AT	○					
NMS-31	PDG-LR234J2	H22 1-3	新製												如意										NMS-31	2648	Jbus	AT	○						
NMS-32	PDG-LR234J2	H22 1-3	新製												如意										NMS-32	2650	Jbus	AT	○						
NMS-131	2KG-LR290J4	R1 12	新製												如意										NMS-131	4199	Jbus	AMT	○	○					
NMS-132	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製												如意										NMS-132	4212	Jbus	AMT	○	○					
NMS-133	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製												如意										NMS-133	4213	Jbus	AMT	○	○					
NMS-171	2KG-LR290J4	R3 2-3	新製												如意										NMS-171	4339	Jbus	AT	○	○					
NMS-172	2KG-LR290J4	R3 2-3	新製												如意										NMS-172	4354	Jbus	AT	○	○					
NMS-173	2KG-LR290J4	R3 2-3	新製												如意										NMS-173	4355	Jbus	AT	○	○					
NMS-190	2KG-LR290J4	R3 2-3	新製												※如意										NMS-190	4360	Jbus	AT	○	○		※R3.3大森配置→R3.4如意			
NMS-191	2KG-LR290J4	R3 2-3	新製												※如意										NMS-191	4369	Jbus	AT	○	○		※R3.3大森配置→R3.4如意			